

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P9+AMD	7:25	16+1+5	0+0+0		8+1+13	0+0+0	
2		P7+P4	7:25	9+12	0+0		9+13	0+0	
3		P5+P4	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
4		RP1+RC6+P1	9:25	3+1+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 rp1-rc6
5		P11+BK3+P3	9:25	4+0+13	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
6		P10+P4	9:25	2+16	0+0		0+22	0+0	
7		AMD + AMD+BK5	11:25	17+0	0+0		14+4	0+0	ec
8		RP2+GTC1+P7	11:25	3+1+16	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
9		BK8+BK6+PPD	11:25	16+0+3	0+0+0		16+0+6	0+0+0	chuyen 1 bk6-ppd

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: P1 - P9 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHANG - NPHU - TOAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HO XUAN TUYEN	P1	18	1	9	2	9	71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HAI LAM	P1	05	1	9	2	25	67	KHOAN	Vietnamese
3	LE NGOC LUAN	P1	03	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM THANH TUNG	P1	07	1	15			96	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM DANG KHOI	P1	11	1	15			88	KHOAN	Vietnamese
6	BABKIN A.M	P1	13	1	6			99	KH-THAC	Russian
7	KISELEV IGOR	P1	16	1	9			98	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN HOANG VINH	P1	21-22	2	11			80	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO MINH TUAN	P1	17	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HUNG	P1	09-10	2	18			64	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUANG TRUONG	P1	08	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
12	LE KIEN TRUNG	P1	13	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
13	LE QUANG ANH HUNG	P1	04	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LONG BIEN	P1	06	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HUU DUNG	P1	14-15	2	20			85	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TUAN VU	P9	55-56	2	14	2	18	63	KH-THAC	Vietnamese
17	THAN CANH THINH	AMD	98-99	2	14			74	TLJOC	Vietnamese
18	HO ANH QUOC	AMD	03	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THANH	AMD	05	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN CONG DUNG	AMD	04	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SANH	AMD	01-03	3	13			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P1	15	1.179	18	158	4	34	8			
2		P9	1	63	2	14	2	18	1			
3		AMD	5	341	8	43	0	0	13			
		TOTAL	21	1.583	28	215	6	52	22			
		WEIGHT KG		1.583		215		52				

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN LUONG TAM	P7	85-86	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HO THIEN TAM	P7	89	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN LUU	P7	83	1	6	1	19	68	YTE	Vietnamese
4	PHAM DUY CHUNG	P7	82	1	5			60	DK9	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHONG	P7	88	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HOANG HUNG	P7	80-81	2	20			86	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH THANH TAM	P7	90-91	2	7			89	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN QUANG	P7	87	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN LOI	P7	96	1	5	4	70	65	KH-THAC	Vietnamese
10	VO DUY TOAN	P4	03	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY THAI	P4	04	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET BANG	P4	02	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
13	DAO DUC HUNG	P4	05	1	4			54	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THAI SON	P4	08	1	7	1	15	59	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRUNG CHINH	P4	07	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEP	P4	11	1	4			61	YTE	Vietnamese
17	VU DUC HAI	P4	12	1	3			85	YTE	Vietnamese
18	TRAN DUC TUAN	P4	01	1	2			58	YTE	Vietnamese
19	PHAN TAT THANG	P4	10	1	3			65	YTE	Vietnamese
20	VO HONG TIN	P4	06	1	8			79	YTE	Vietnamese
21	LE ANH THANG	P4	09	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P7	9	668	12	69	5	89	9			
2		P4	12	811	12	58	1	15	13			
		TOTAL	21	1.479	24	127	6	104	22			
		WEIGHT KG		1.479		127		104				

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: P5 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - THÔNG - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VAN BAC	P5						73	KH-THAC	Vietnamese
2	LA VAN TOI	P5	79-80	2	18			96	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN THE HANH	P5	23	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRONG SON	P5	18	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUY TAI	P5	24	1	14			60	KH-THAC	Vietnamese
6	VU VAN LINH	P5	77-78	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM VAN HANH	P5	13-14	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TRUNG HIEU	P5	28	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN QUANG PHUC	P5	19	1	2			49	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DUNG	P5	29-30	2	20			60	KH-THAC	Vietnamese
11	DO HOANG TRONG	P5	26	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN HOANG	P5	25	1	19			87	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SY CONG	P5	16	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	P5	15	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG BA VINH	P5	17	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LAM	P5	21-22	2	15			68	CODIEN	Vietnamese
17	HOANG CAO MINH	P5	81-82	2	14			69	CODIEN	Vietnamese
18	DAO VAN THANG	P5	20	1	17			58	PSV	Vietnamese
19	LE XUAN TINH	P5	27	1	14			74	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TAN	P4	20	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NHAN HAI	P4	600	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN NGOC TUAN	P4	21	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P5	19	1.315	24	219	0	0	18			
2		P4	3	186	3	16	0	0	4			
		TOTAL	22	1.501	27	235	0	0	22			
		WEIGHT KG		1.501		235		0				

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: RP1 - RC6 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGỌC ANH	RC6	24-25	2	11			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HIỂU	P1	61	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGHIÊM XUÂN VIỆT	P1	59	1	8			68	ANTOAN	Vietnamese
4	TÀ QUỐC VIỆT	P1	56	1	5	1	17	63	YTE	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	62-63	2	10	1	20	63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ANH SƠN	P1	47-48	2	17			66	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ QUANG ANH	P1	52	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ VINH	P1	58	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG ANH TUÂN	P1	60	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI HUY NGHIỆP	P1						78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THẮNG	P1	46	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM SỸ HIỆP	P1	49	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NAM CƯỜNG	P1						71	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỒNG HAI	P1	53	1	14			64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	57	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	54	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	50	1	15			73	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TÂN ĐỨC	P1	51	1	5			79	PSV	Vietnamese
19	ĐINH SỸ TUÂN	P1	45	1	8			73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP1	0	0	0	0	0	0	1+1		CHUYEN 1 PAX RP1-RC6	
2		RC6	1	75	2	11	0	0	0			
3		P1	18	1.247	18	127	2	37	21			
		TOTAL	19	1.322	20	138	2	37	22			
		WEIGHT KG		1.322		138		37				

GRAND TOAL: 1.497 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: P11 - BK3 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO -	ETA: 11:40
NAU-2		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TẠ NGỌC THANH	P11	28-29	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TAM	P11	30-31	2	22			79	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ CHI CÔNG	P11	53	1	10			52	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN DUY KHANH	P11	26-27	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC THUẬN	P3	50	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHI DÂN	P3	41	1	10			56	YTE	Vietnamese
7	LUÔNG HỮU HẬU	P3	44	1	13	3	50	86	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI THE DUONG	P3	49	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	P3	46	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	54	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN BUI NAM	P3	40	1	9			101	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	39	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH PHONG	P3	47	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HUNG	P3	48	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TIẾN	P3	51	1	8			70	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN PHÚC	P3	42-43	2	13			54	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THU TRANG	P3	38	1	10			68	PSV	Vietnamese
18	CAO DUY LUNG	P3	45	1	7			61	PSV	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THE	P3	52-53	2	16			70	XYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P11	4	281	7	64	0	0	0			
2		BK3	0	0	0	0	1	20	1			
3		P3	15	1.087	17	127	3	50	21			
		TOTAL	19	1.368	24	191	4	70	22			
		WEIGHT KG		1.368		191		70				

GRAND TOAL: 1.629 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: P10 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐÔNG - HTNAM	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN MẠNH CUÔNG	P10	41	1	9			74	CODIEN	Vietnamese
2	CHU TUAN ANH	P10	42-43	2	16	2	20	59	CODIEN	Vietnamese
3	BUI MINH TUAN	P4	57	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG TUYEN	P4						62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HA	P4						77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TOAN	P4	56	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SON	P4	51	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAM VAN QUANG	P4	53	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG	P4	59	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU VAN DAT	P4	55	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN BA	P4	54	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
12	HA TAN DUNG	P4	52	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	58	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
14	LE HONG TRUNG	P4	60	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI MẠNH CUÔNG	P4	47	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH NGOC NHAN	P4	62	1	5			63	PSV	Vietnamese
17	TRAN CONG VUONG	P4	61	1	12			58	PSV	Vietnamese
18	DUONG NGOC PHUONG	P4	48	1	10	1	16	59	NAM TIEN	Vietnamese
19	HO VAN DAT	P4	50	1	15			79	NAM TIEN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN ANH	P4	63-64	2	18			63	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P10	2	133	3	25	4	60	0			
2		P4	18	1.199	17	108	1	16	22			
		TOTAL	20	1.332	20	133	5	76	22			
		WEIGHT KG		1.332		133		76				

GRAND TOAL: 1.541 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: AMD - TGTH1 - BK5	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:20
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: MTIEN - VUONG	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM THANH HUNG	AMD	13-14	2	19			69	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG VAN DONG	AMD	19	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VAN SAU	AMD	08	1	9	1	20	67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN MINH DUC	AMD	17	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU NHAN	AMD	11-12	2	9			67	KH-THAC	Vietnamese
6	VU MANH HA	AMD	20-21	2	9			86	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH HUU TINH	AMD	06	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI SY QUYEN	AMD	15	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HUNG	AMD	18	1	12			85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NHA	AMD	16	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH TUNG	AMD	09	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
12	LE VAN THIEN	AMD	10	1	9			66	PSV	Vietnamese
13	PHAN VAN TRONG	AMD	07	1	6			64	PSV	Vietnamese
14	NGO QUANG HUAN	TGTH1	51-52	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN GIANG	TGTH1	49	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU CUONG	TGTH1	47-48	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TAN VUONG	TGTH1	50	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		AMD	13	895	16	114	1	20	10			
2		TGTH1	4	278	6	33	0	0	4			
3		BK5	0	0	0	0	1	20	4			
		TOTAL	17	1.173	22	147	2	40	18			
		WEIGHT KG		1.173		147		40				

GRAND TOAL: 1.360 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: RP2 - GTC1 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÕ QUỐC THỊNH	RP2	93	1	4	1	3	77	PSV	Vietnamese
2	LÊ XUÂN HÀ	RP2	94-95	2	16	2	18	64	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	GTC1	37-38	2	13	1	17	76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THIÊN	P7	23	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG THANH	P7	19	1	6	2	18	72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC PHÁT	P7	11	1	10	1	13	67	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VAN SON	P7	28-29	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẦN THANH GIANG	P7	25	1	11			54	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH HÙNG	P7	13-14	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P7	30-31	2	15			86	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI ĐÌNH THỌ	P7	17-19	3	19			73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC QUÂN	P7	33-34	2	10			56	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN HUAN	P7	32	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN HÙNG	P7	15-16	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
15	VU ĐÌNH HÙNG	P7	26	1	10	1	12	64	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VIỆT HÙNG	P7	20	1	5			76	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TUẤN ANH	P7	21	1	7			75	PSV	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC LÊ	P7	24	1	7			74	PSV	Vietnamese
19	HỒ TRỌNG TÂN	P7	22	1	5			88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP2	2	141	3	20	3	21	0			
2		GTC1	1	76	2	13	1	17	1			
3		P7	16	1.141	23	171	4	43	21			
		TOTAL	19	1.358	28	204	8	81	22			
		WEIGHT KG		1.358		204		81				

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2025	TO: BK8 - BK6 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:25
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - HTNAM	ETA: 14:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC KHANH	BK8	63-64	2	11			84	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH VƯƠNG	BK8	61-62	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN THOẠI	BK8	67	1	16	7	78	70	XAYLAP	Vietnamese
4	VU HỒNG PHONG	BK8	69-70	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐỒNG	BK8	68	1	7			56	XAYLAP	Vietnamese
6	VU VĂN TÂN	BK8	71	1	18			70	XAYLAP	Vietnamese
7	CAO VĂN MẠNH	BK8	72-73	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	BK8	65-66	2	16			85	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN ANH	BK8	75-76	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HIỆU	BK8	74	1	13			83	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC DINH	BK8	79	1	15			84	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG NGỌC HOÀI	BK8	86	1	16			64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGO TRUNG KIẾN	BK8	82-83	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO CƯỜNG	BK8	77-78	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	BK8	80-81	2	16			73	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM THANH HÙNG	BK8	84-85	2	14			75	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG QUANG LỘC	PPD	96-97	2	18			64	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT LỘC	PPD	98-99	2	13			58	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG ĐỨC PHONG	PPD	20	1	13			89	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK8	16	1.160	26	246	7	78	16			
2		BK6	0	0	0	0	0	0	0 + 1		CHUYEN TI PAX BK6-PPD	
3		PPD	3	211	5	44	0	0	6			
		TOTAL	19	1.371	31	290	7	78	22			
		WEIGHT KG		1.371		290		78				

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN